

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC ARCHILADB
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC ARCHILADB

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ARCHILADB ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ARCHILADB., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109055889

3. Ngày thành lập: 06/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 108 C2, Khu đô thị Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	In ấn	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
7.	Sao chép bản ghi các loại	1820
8.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
9.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
10.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
11.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
12.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
13.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
14.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ loại cầm, trừ sản xuất vàng miếng)	2420
15.	Đúc sắt, thép	2431
16.	Đúc kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2432
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
19.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

21.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
22.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
23.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
24.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
25.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: - Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động	3320
26.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
27.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
28.	Xây dựng nhà không để ở	4102
29.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
30.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
31.	Xây dựng công trình điện	4221
32.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
33.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
34.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
37.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động.	4329
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bảo phủ tòa nhà, Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao, Các công việc dưới bề mặt, Xây dựng bể bơi ngoài trời, Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà, Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
46.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

47.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
48.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4513
49.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
50.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại cấm)	4620
51.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
52.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị lĩnh vực viễn thông;	4659
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;	4661
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
59.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
60.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
61.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
62.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
63.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
64.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
65.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
66.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

68.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
69.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
70.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
71.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
72.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
73.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
74.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
75.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch;	4932
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
78.	Vận tải đường ống	4940
79.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
81.	Bốc xếp hàng hóa	5224
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
83.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất chương trình truyền hình (Không bao gồm sản xuất phim)	5911
84.	Lập trình máy vi tính	6201
85.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
86.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
87.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán)	6619
88.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán)	7020

89.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn quản lý dự án đầu tư và nghiệp vụ đấu thầu; Khảo sát địa chất công trình; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông cầu đường; Giám sát lắp đặt thiết bị điện, công nghệ công trình xây dựng; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2: + Xác định tiêu chí suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; + Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; + Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; + Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; + Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; + Lập thẩm tra tổng mức đầu tư (Trừ các dự án quan trọng quốc gia) + Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia) + Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia) (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	7110
90.	Quảng cáo	7310
91.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
92.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
	Chi tiết: Trang trí nội thất;	
93.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
94.	Cho thuê xe có động cơ	7710
95.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
96.	Cho thuê băng, đĩa video	7722

97.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gồm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo,...; - Sách, tạp chí; - Máy móc thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở trường riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình.	7729
98.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
99.	Đại lý du lịch	7911
100.	Điều hành tua du lịch	7912
101.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
102.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
103.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán)	8211
104.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
105.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8230
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh)	8299
107.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ ANH ĐỨC	Thị trấn Chuối, Xã Tế Thắng, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	038093007336	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		
2	LÊ QUANG LUẬN	Thị trấn Chuối, Xã Tế Thắng, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	171607866	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
3	VŨ ANH ĐỨC	Thôn Mộ Trạch, Xã Tân Hồng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	030093002989	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ANH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038093007336

Ngày cấp: 25/09/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thị trấn Chuối, Xã Tế Thắng, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thị trấn Chuối, Xã Tế Thắng, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

